

UBND THÀNH PHỐ BẾN CÁT  
PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 396 /PTCKH-NS

Bến Cát, ngày 17 tháng 9 năm 2024

V/v báo cáo Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024.

Kính gửi: UBND thành phố Bến Cát

Căn cứ Công văn số 4843/UBND-KT ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc triển khai thực hiện Quyết định số 18/QĐ-HĐND ngày 27/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương;

Thực hiện Công văn số 2373/UBND-KT ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Cát về việc tham mưu báo cáo Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024 và Công văn số 2439/UBND-KT ngày 09 tháng 9 năm 2024 của UBND thành phố Bến Cát về việc triển khai thực hiện Quyết định số 18/QĐ-HĐND ngày 27/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương,

Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với Chi cục Thuế khu vực Bến Cát và UBND các xã, phường, báo cáo cụ thể như sau:

**1/ Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024**

**a/ Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết:**

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, UBND thành phố đã ban hành công văn số 5647/UBND-KT về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương.

Quyết định số 4020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát (nay là thành phố) về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Cát về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Báo cáo số 48/BC-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát (nay là thành phố) về tình hình thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của thị xã Bến Cát.

**b/ Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán, thanh tra:**



++ Qua rà soát các kết luận của kiểm toán, thanh tra cơ bản Phòng đã thực hiện hoàn thành, tuy nhiên còn 01 kiến nghị thực hiện chưa hoàn thành được là số chi chuyển nguồn (nguồn CCTL) tăng thêm 89.496 triệu đồng,

**2/ Kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được thông qua tại Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024.**

### **2.1. Kết quả thực hiện thu, chi từ ngày 01/01/2024 đến 31/7/2024**

#### **a/ Phần thu ngân sách:**

- **Tổng thu NSNN trên địa bàn:** 3.895 tỷ 786 triệu đồng đạt 94% so với dự toán tỉnh giao năm 2024, trong đó, tổng thu NSNN từ SXKD trên địa bàn: 3.604 tỷ 376 triệu đồng đạt 89% so với dự toán tỉnh giao năm 2024.

- **Tổng thu ngân sách địa phương:** 1.147 tỷ 882 triệu đồng, đạt 110% so với dự toán tỉnh giao, trong đó:

+ Tổng các khoản thu NSDP được hưởng theo phân cấp: 856 tỷ 472 triệu đồng, đạt 89%

+ Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp tỉnh: 16 tỷ 800 triệu đồng

+ Thu bổ sung có mục tiêu: 696 triệu đồng

+ Thu chuyển nguồn: 273 tỷ 914 triệu đồng

#### **b/ Phần chi ngân sách:**

- **Tổng chi ngân sách địa phương:** 539 tỷ 919 triệu đồng, đạt 52% so với dự toán tỉnh giao, trong đó:

+ Chi đầu tư: 130 tỷ 466 triệu đồng, đạt 67%

+ Chi thường xuyên: 409 tỷ 453 triệu đồng, đạt 49%

*(Đính kèm phụ lục chi tiết)*

### **2.2 Nhận xét, đánh giá**

Qua kết quả thu ngân sách 7 tháng đầu năm 2024 cho thấy tình hình thu ngân sách thành phố Bến Cát rất khả quan, so với thời điểm cùng kỳ đạt 55%, dự kiến đến cuối năm đạt khoảng 110% so với Nghị quyết HĐND tỉnh giao. Đạt được kết quả như trên là nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Thường trực thành ủy, HĐND thành phố và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban ngành, đoàn thể thành phố và UBND các xã, phường; đặc biệt được sự quan tâm của Lãnh đạo Cục thuế tỉnh, UBND thành phố thường xuyên chủ động làm việc, trao đổi với Cục thuế tỉnh để nắm nguồn thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn thành phố (nguồn thu này chiếm 52.6%/tổng thu ngân sách trên địa bàn) nhằm kịp thời chỉ đạo, điều hành, đôn đốc thực hiện đạt Nghị quyết của HĐND thành phố và Nghị quyết HĐND tỉnh nói chung.

Việc thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh được Thành phố Bến Cát xem là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị từ thành phố đến khu, ấp; Tập trung khai thác hiệu quả các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào nguồn sách nhà nước theo tinh thần chỉ đạo của cấp trên; Chi ngân sách

thực hiện theo tinh thần tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với chức năng nhiệm vụ và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

-Về phần thu NSNN: Tuy có những khoản thu đạt và vượt cao nhưng vẫn còn một số khoản thu chưa đạt như: thuế GTGT (*khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài*); Thuế tiêu thụ đặc biệt (*khu vực ngoài quốc doanh*); Lệ phí trước bạ; Thu tiền sử dụng đất đạt chưa cao, ước cuối năm đạt theo dự toán. Những tháng cuối năm gia hạn thuế GTGT, TNDN, TNCN, TTD theo Nghị định số 64/2024/NĐ-CP ngày 17/6/2024 của chính phủ.

\*Nguyên nhân:

Do thị trường kinh doanh bất động sản còn trầm lắng, nhu cầu của người dân không nhiều, thị trường bảo hòa, hạn mức giao chuyển mục đích sử dụng đất thấp

-Về phần chi ngân sách: chi ngân sách đạt chưa cao, do một số gói thầu về quy hoạch đô thị, quy hoạch kế hoạch sử dụng đất; môi trường; mua sắm Đề án 06, Đề án Camera, đang trong quá trình mời thầu và một số hoạt động thường xuyên của các đơn vị chưa thanh toán... dẫn đến tỷ lệ chi đạt thấp.

\*Nguyên nhân

-Giai đoạn đầu năm vướng Luật đấu thầu mới chưa được hướng dẫn nên các ngành chậm triển khai.

-Việc phối hợp rà soát nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các ngành còn chậm ảnh hưởng đến việc thanh toán của các đơn vị.

-Về thực hiện kết luận kiểm toán:

\*Nguyên nhân:

Lý do số tăng thêm nguồn CCTL là số chuyển kết dư từ năm trước sang năm sau (trong đó bao gồm: tạm ứng ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội, Hội Nông dân, Trung tâm phát triển quỹ đất, vốn thưởng NTM (Phú An) ..., quy định cụ thể như sau:

-Theo khoản 2, điều 72, Luật ngân sách quy định: “2. *Kết dư ngân sách cấp huyện, cấp xã được hạch toán vào thu ngân sách năm sau*”.

-Theo điểm h, khoản 1, điều 9, Thông tư 344/TT-BTC quy định: Thu kết dư ngân sách xã năm trước thuộc khoản thu ngân sách xã hưởng 100%.

-Theo điều 9, Thông tư 344/2016/TT-BTC quy định nguồn thu ngân sách xã gồm các khoản sau:

+ Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100%

+ Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm giữa ngân sách cấp xã với ngân sách cấp trên.

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

-Theo Thông 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 quy định về tổ chức thực hiện dự toán năm 2024, tại điểm a, khoản 4, điều 4 Thông tư quy định nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 của các địa phương như sau: “a) 70% tăng thu ngân sách địa phương năm 2023 thực hiện so với dự toán....được Thủ tướng Chính phủ giao”.



Từ các căn cứ nêu trên, hàng năm Bộ Tài chính, Sở Tài chính căn cứ vào tổng số thu ngân sách của địa phương thực hiện so với dự toán giao để tính 70% trích nguồn CCTL theo quy định, từ năm 2020 trở về trước Sở Tài chính và các Phòng Tài chính chỉ tính 70% trên tổng nguồn thu mới so với dự toán giao (không bao gồm kết dư) do đó, nguồn CCTL của ngân sách thị xã (nay là thành phố) hiện nay không đảm bảo theo số liệu theo dõi, quản lý của Sở Tài chính và Bộ Tài chính.

Trong 6 tháng đầu năm 2024 tính tăng thu, tiết kiệm chi năm 2023 đã trích chuyển trả nguồn CCTL được 11 tỷ 124 triệu đồng và theo Công văn số 2338/STC-QLNS ngày 18/7/2024 về thông báo nhu cầu và nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023, đồng thời chờ thông báo thẩm định lại nguồn CCTL của Bộ Tài chính.

## **2.3 Giải pháp thực hiện**

### **a. Về thu ngân sách**

Chỉ đạo Chi cục thuế tiếp tục triển khai các nhiệm vụ giải pháp thu NSNN như sau:

- Tăng cường xử lý nợ, tăng cường công tác kiểm tra giám sát hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế, chống thất thu thuế, thu xây dựng cơ bản vãng lai, rà soát lập bộ thuế SDDPNN... phân đấu hoàn thành 100% các chỉ tiêu đã được cấp trên giao.

- Triển khai thực hiện gia hạn thuế theo Nghị định 64/2024/NĐ-CP ngày 17/06/2024 cho Người nộp thuế (NNT) và đơn đốc Người nộp thuế (NNT) nộp kịp thời vào NSNN khi hết hạn gia hạn;

- Quyết liệt triển khai công tác quản lý lập bộ thuế hộ khoán thuế đảm bảo năm 2024 phải tăng 50% so lập bộ 2023).

- Tăng cường quản lý thuế đối với việc sử dụng hóa đơn điện tử .

- Kiểm tra việc triển khai thực hiện phát hành Hóa đơn điện tử (HDDT) từng lần bán hàng đối với hoạt động kinh doanh bán lẻ xăng.

- Tiếp tục triển khai một số biện pháp tăng thu NNSN - Chú ý đến việc khai thác nguồn thu xây dựng cơ bản vãng lai từ các dự án lớn đi qua địa bàn Bến Cát như: Đường vành đai, cao tốc..., thu từ hoạt động cho thuê tài sản; chống thất thu trong hoạt động kinh doanh chuyển nhượng bất động sản.

- Tập trung quản lý các tổ chức kinh doanh sàn giao dịch Thương mại điện tử (TMĐT); Quản lý hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, cung cấp dịch vụ thương mại điện tử theo danh sách Tổng cục cung cấp.

- Tiếp tục triển khai thanh toán nghĩa vụ tài chính về đất đai của doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (theo CV 1288/TC-DNNCN và kế hoạch 4225/KH-CCTKV).

- Tăng cường triển khai cho NNT thực hiện nộp thuế qua Etax Mobile.

### **b. Về chi ngân sách**

- Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, dành nguồn tăng chi đầu tư.

- Đảm bảo các chính sách an sinh xã hội

### **c. Về kiến nghị kiểm toán**

Sau khi có thông báo thẩm định lại nguồn CCTL của Bộ Tài Chính và Sở Tài chính, Phòng sẽ cân đối lại thu chi để trích nguồn CCTL theo quy định để hoàn trả nếu thiếu so với số thẩm định của BTC và STC.



### **3. Khó khăn, vướng mắc:**

-Về nhân sự Chi cục thuế: Chi Cục thuế hiện thiếu 06 biên chế (73/79) nên việc triển khai nhiệm vụ được giao gặp nhiều khó khăn.

-Về quy trình lưu chuyển hồ sơ thu thuế: Thực hiện Luật đất đai số 31 có hiệu lực từ 01/08/2024, qui định đối với hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện chuyển sang cho cơ quan thuế để ra thông báo xác định thực hiện nghĩa vụ tài chính cho người nộp thuế. Tuy nhiên, hiện nay Phòng Tài nguyên và Môi trường chưa có phần mềm liên thông thực hiện chuyển hồ sơ điện tử cho cơ quan thuế mà thực hiện chuyển bằng hồ sơ giấy cho cơ quan thuế xác định thực hiện nghĩa vụ tài chính và chuyển hồ sơ giấy ngược lại, sẽ làm mất nhiều thời gian, tốn nhiều chi phí không đạt được mục tiêu cải cách hành chính trong thực hiện chuyển đổi số...

-Về thực hiện dự toán thu, chi theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND tỉnh:

Ngay từ đầu năm, trên cơ sở Nghị quyết HĐND tỉnh giao so với nhu cầu thực tế của địa phương đã thiếu khoảng 293 tỷ 804 triệu đồng. UBND thành phố đã phải cố gắng cân đối để phân bổ, giao chủ yếu chi đảm bảo chế độ, chính sách cho con người và một số nhiệm vụ trọng tâm như: Đề án 06, nhiệm vụ lập quy hoạch, Đề án Camera, các chương trình mục tiêu quốc gia, Đề án thanh niên công nhân (Đề án 837); một số chương trình, Kế hoạch, Đề án của tỉnh và một vài hoạt động tối thiểu của các cơ quan, đoàn thể. UBND thành phố không bố trí kinh phí để cải tạo, sửa chữa tài sản công, mua sắm tài sản. Đối với ngân sách cấp xã chỉ đảm bảo chi cho con người và một số hoạt động tối thiểu.

Trước tình hình khó khăn nêu trên, UBND thành phố mạnh dạn đề xuất trình HĐND thành phố tăng thu ngân sách năm 2024 của thành phố Bến Cát lên 110% so với Nghị quyết HĐND tỉnh giao nhưng vẫn không đảm bảo các nhiệm vụ chi của địa phương

#### **\*Nguyên nhân:**

Tăng thu NSNN trên địa bàn 110% tương ứng với số tiền tăng 408 tỷ 986 triệu đồng, nhưng ngân sách địa phương chỉ được hưởng 132 tỷ 761 triệu đồng theo Thông tư hướng dẫn thực hiện dự toán năm 2024 chỉ được sử dụng chi từ tăng thu 30% tương ứng với số tiền 39 tỷ 828 triệu đồng thành phố sử dụng tăng chi đầu tư 46% và 54% chi thường xuyên.

Các chế độ, chính sách theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành khi thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ về tăng mức tiền lương cơ sở từ 1.800.000 đồng lên 2.340.000 đồng, với tổng kinh phí 18 tỷ 975 triệu đồng; vì các đối tượng không thuộc Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, thì không được sử dụng nguồn CCTL để chi mà phải sử dụng nguồn kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên - Nguồn 12 để chi (theo khoản 8, điều 1, chương I, Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính)

Một số chính sách mới do HĐND tỉnh ban hành năm 2024 và một số nhiệm vụ của các Sở, ngành tỉnh ban hành theo Kế hoạch phát sinh năm 2024 không có trong dự toán giao đầu năm, địa phương chưa cân đối được nguồn.

#### 4. Đề xuất, kiến nghị:

- Kiến nghị triển khai và trang bị phần mềm ứng dụng liên thông để thực hiện luân chuyển hồ sơ điện tử theo qui định.

- Kiến nghị điều chỉnh tăng tỉ lệ được hưởng về nguồn thu thuế thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài của Bến Cát từ 18% lên 22% từ năm 2025 tại Nghị quyết 08/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 Ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Dương thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2023-2025.

- Kiến nghị xem xét bổ sung kinh phí do tăng lương cơ sở theo các chính sách của HĐND tỉnh ban hành.

- Kiến nghị Các sở, ngành tỉnh khi tham mưu UBND tỉnh ban hành các Kế hoạch, Đề án phát sinh sau ngày giao dự toán cho cấp huyện thì phải đảm bảo nguồn cho địa phương triển khai thực hiện.

- Kiến nghị bổ sung kinh phí bổ sung có mục tiêu để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn địa phương để chi cho các lực lượng thanh tra giao thông vận tải, ban an toàn giao thông phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Điều chỉnh giảm dự toán chỉ tiêu sự nghiệp Giáo dục – Đào tạo và dạy nghề phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 08/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương. Kính trình UBND thành phố xem xét báo cáo theo quy định./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Minh Tuấn**

**BÁO CÁO THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐẾN NGÀY 31/7/2024**  
(Kèm theo Công văn số 196/P.TCKH-NS ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)



ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán Tinh giao năm 2024	Dự toán thị xã điều chỉnh năm 2024	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/7/2024	Ưc thực hiện cả năm 2024	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/7/2023	So sánh			
							8=5/7	9=5/3	10=5/4	11=6/3
	<b>Tổng chi ngân sách địa phương (I+II+III+IV+V)</b>	<b>1.046.270</b>	<b>1.046.270</b>	<b>539.919</b>	<b>1.168.085</b>	<b>438.610</b>	<b>123</b>	<b>52</b>	<b>52</b>	<b>112</b>
I	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>194.172</b>	<b>194.172</b>	<b>130.466</b>	<b>212.472</b>	<b>75.641</b>	<b>172</b>	<b>67</b>	<b>67</b>	<b>109</b>
	- Vốn phân cấp theo tiêu chí	194.172	194.172	130.466	194.172	75.641	172	67	67	100
	- Vốn thường vượt thu									
	- Vốn khác (tăng thu tiết kiệm chi năm 2024)				18.300					
II	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>830.901</b>	<b>830.901</b>	<b>409.453</b>	<b>911.026</b>	<b>362.969</b>	<b>113</b>	<b>49</b>	<b>49</b>	<b>110</b>
1	Chi sự nghiệp kinh tế		43.109	8.896	43.049	9.919	90		20,64	
	- Chi sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp			1.640		1.524	108			
	- Chi sự nghiệp giao thông			1.385		568	244			
2	Chi SN môi trường		84.048	29.558	78.827	29.405	101		35	
3	SN giáo dục - đào tạo dạy nghề	384.332	360.014	207.704	408.699	172.476	120	54	58	106
4	SN Y Tế		52.661	16.647	53.632	16.679	100		31,61	
5	Chi SN VH TT		11.680	7.098	12.827	9.846	72		60,77	
	- SN VH TT		10.880	6.540	12.027	9.201	71		60,11	
	- SN TDTT		800	558	800	645	87		70	
6	SN Phát thanh truyền hình		2.465	941	2.465	1.146	82		38	
7	SN khoa học công nghệ	1.100	2.077	938	2.271	956	98	85	45	206
8	Chi đảm bảo xã hội		38.543	26.169	44.765	22.489	116		68	
9	Chi quản lý hành chính		60.408	31.394	63.761	27.103	116		52	
10	Chi an ninh quốc phòng		15.932	10.985	20.370	13.093	84		69	
	- An ninh		5.781	3.463	7.549	4.810	72		60	
	- Quốc phòng		10.151	7.522	12.821	8.283	91		74	
11	Chi khác ngân sách		3.606	623	3.654	370	168		17	
12	Chi NS xã		156.357	68.500	176.705	59.486	115		44	
III	Chi đầu tư phát triển mục khác (Ủy thác cho ngân hàng chính sách XH)				29.000					
IV	Chi bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh (ATGT)	696	696		696					100
V	Chi chuyển nguồn									
VI	Dự phòng	20.501	20.501		14.891					73

chú: Xuất kho NSNN bc ngày 31/7/2024  
Không nhập số thu chuyển giao ngân sách, số tạm ứng

**BÁO CÁO THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐẾN NGÀY 31/7/2024**  
(Kèm theo Công văn số 336/PTCKH-NS ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

DVT: Triệu đồng



STT	Chi tiêu	Dự toán Tinh giao năm 2024	Dự toán thị xã điều chỉnh năm 2024	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/7/2024	Ước thực hiện cả năm 2024	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/7/2023	So sánh			
							8=7/5	9=5/3	10=5/4	11=6/3
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>				
	<b>Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (A+B.II+B.III+B.IV+B.V)</b>	<b>4.140.891</b>	<b>4.140.891</b>	<b>3.895.786</b>	<b>4.866.749</b>	<b>2.159.712</b>	<b>55</b>	<b>94</b>	<b>94</b>	<b>118</b>
<b>A</b>	<b>Tổng thu ngân sách nhà nước từ SXKD trên địa bàn</b>	<b>4.053.000</b>	<b>4.053.000</b>	<b>3.604.376</b>	<b>4.508.407</b>	<b>1.919.782</b>	<b>53</b>	<b>89</b>	<b>89</b>	<b>111</b>
1	Thu từ doanh nghiệp có đầu tư nước ngoài	2.132.000	2.132.000	1.813.084	2.286.200	942.228	52	85	85	107
	- Thuế giá trị gia tăng	468.000	468.000	216.106	475.000	149.708	69	46	46	101
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.659.000	1.659.000	1.596.361	1.806.000	791.451	50	96	96	109
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									
	- Thuế tài nguyên	5.000	5.000	617	5.200	1.069	173	12	12	104
2	Thuế ngoài quốc doanh	1.147.000	1.147.000	1.062.791	1.252.000	438.259	41	93	93	109
	- Thuế giá trị gia tăng	778.000	778.000	620.664	800.000	246.084	40	80	80	103
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	367.000	367.000	441.085	450.000	191.196	43	120	120	123
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.000	2.000	1.042	2.000	794	76	52	52	100
	- Thuế tài nguyên					185				
3	Thu lệ phí trước bạ	62.000	62.000	38.758	62.000	29.737	77	63	63	100
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.000	12.000	15.532	15.532	7.502	48	129	129	129
5	Thu tiền cho thuê đất, mặt nước	10.000	10.000	60.603	60.603	2.616	4	606	606	606
	<i>T/dó: Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước ngoài khu công nghiệp</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	<i>60.301</i>	<i>60.301</i>	<i>2.474</i>	<i>4</i>	<i>603</i>	<i>603</i>	<i>603</i>
6	Thu tiền sử dụng đất	440.000	440.000	290.778	465.000	272.734	94	66	66	106
7	Thu phí và lệ phí (bao gồm lệ phí môn bài do huyện quản lý)	25.000	25.000	28.876	40.000	25.547	88	116	116	160
	<i>Trong đó phí, lệ phí của khối huyện, thị xã</i>			<i>20.618</i>	<i>28.400</i>	<i>19.408</i>	<i>94</i>			
8	Thuế thu nhập cá nhân	155.000	155.000	227.072	227.072	141.726	62	146	146	146
9	Thu khác ngân sách	70.000	70.000	66.882	100.000	59.433	89	96	96	143
	<i>Trong đó: Thị xã TTQL</i>			<i>17.017</i>	<i>51.500</i>	<i>24.870</i>	<i>146</i>			
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển									
<b>B</b>	<b>Tổng thu ngân sách địa phương</b>	<b>1.046.270</b>	<b>1.046.270</b>	<b>1.147.882</b>	<b>1.474.749</b>	<b>664.115</b>	<b>58</b>	<b>110</b>	<b>110</b>	<b>141</b>
I	Tổng các khoản thu NSDP được hưởng theo phân cấp	958.379	958.379	856.472	1.116.407	424.185	50	89	89	116
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	145.859	145.859	152.226	217.733	84.176	55	104	104	149
2	Thu phân chia theo tỷ lệ %	812.520	812.520	704.246	898.674	340.009	48	87	87	111
II	Thu bổ sung từ NS cấp trên thời kỳ ổn định giai đoạn 2017-2020	29.538	29.538	17.496	29.538			59	59	100
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp tỉnh	28.842	28.842	16.800	28.842					100
	- Thu bổ sung có mục tiêu	696	696	696	696			100	100	100
III	Thu kết dư				32.705					
IV	Thu chuyển nguồn	58.353	58.353	273.914	296.099	239.930	88		469	
V	Thu tạm ứng									
	<b>Cân đối ngân sách</b>									
	<b>Tổng thu</b>	<b>1.046.270</b>	<b>1.046.270</b>	<b>1.147.882</b>	<b>1.474.749</b>	<b>664.115</b>	<b>58</b>	<b>110</b>	<b>110</b>	<b>141</b>
	<b>Tổng chi</b>	<b>1.046.270</b>	<b>1.046.270</b>	<b>539.919</b>	<b>1.168.085</b>	<b>438.610</b>	<b>81</b>	<b>52</b>	<b>52</b>	<b>112</b>
	<b>Bội thu (+) Bội chi (-)</b>			<b>607.963</b>	<b>306.664</b>	<b>225.505</b>	<b>37</b>			

**Ghi:** Xuất kho NSNN bc ngày 31/7/2024  
Không nhập số thu chuyển giao ngân sách: